

làng làm thức ăn như rau dền, rau rệu, rau má, rau mánh bát, rau tập tàng, rau sam... Cá, tôm và cua có thể được chế biến tươi sống, cũng có thể để làm mắm ăn dần. Xuân La có món “cá cuốn” đặc trưng của vùng đồng chiêm. Cá bắt về được mổ sạch rồi xếp vào niêu đất, cứ một lớp cá một lớp muối. Đậy niêu thật kín, rắc trấu xung quanh đốt cháy âm ỉ cho chín kỹ, sau đó xếp ra nong phơi khô để ăn dần.

Ngoài cá cuốn, một món ăn đặc trưng khác của người Xuân La là món thịt chuột đồng. Chuột có thể bắt được quanh năm, nhưng ngon nhất là chuột vào tháng 1, tháng Chạp (tức tháng 12, tháng 1 dương lịch). Theo người Xuân La giải thích, vì vào thời điểm đó chuột ăn thóc và trú đông nên rất béo, sạch và ngon. Chuột sau khi bắt về, nhúng vào nồi nước nóng khoảng 70°C (nhúng vào nước đun sôi 100°C chuột sẽ bị tuột da, ăn không ngon) sau đó vớt ra, làm sạch lông, mổ bỏ hết nội tạng, cắt bỏ hạch hôi, rửa sạch rồi chế biến thành các món ăn khác nhau. Món chuột luộc chín còn có thể dùng thốt hoặc mâm đem ép nguyên cả con khoảng 1-2 giờ cho cứng và ráo nước thì càng ngon. Gia vị truyền thống để chấm là muối trộn với nước chanh, lá chanh, hạt tiêu, ớt. Ngoài luộc, thịt chuột còn được chế biến thành món nấu đông. Chuột về mùa Đông, sau khi bắt về được làm sạch, chặt thành từng miếng, cho mắm, muối, gừng, hành vào nấu nhừ (gọi là nấu quá lửa) để đông lại và ăn dần.

Ở Xuân La trước Cách mạng Tháng Tám (1945), do điều kiện kinh tế khó khăn nên người dân chỉ được ăn mỗi ngày 2 bữa, gồm bữa sáng và bữa trưa. Sáng ăn cháo, trưa ăn cơm. Bữa cơm trưa thường ăn muộn, khoảng 13 giờ. Nhà nghèo mỗi ngày chỉ được ăn một bữa.

Cũng vì điều kiện kinh tế eo hẹp, khó khăn thiếu thốn nên người dân ở đây luôn tiết kiệm, thậm chí tận dụng cả nguồn thực phẩm không đảm bảo chất lượng. Khoảng 25-30 năm trở về trước, chợ làng Xuân La chính là nơi chuyên tiêu thụ thịt gia súc, gia cầm không đảm bảo chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm. Người dân các làng xung quanh vùng mỗi khi có “trâu to, bò ngã, gà rù, lợn chết” đều mang đến chợ Xuân La tiêu thụ.

Ở

Do cư trú ở vùng đồng trũng nên từ xa xưa người dân ở đây thường phải đào ao vượt thỏ làm nhà và tôn nền nhà lên cao. Vì vậy, khuôn viên nhà cửa của người dân bao giờ cũng cao hơn mặt đường, mặt ao và mặt ruộng. Một đặc điểm rất dễ nhận ra ở Xuân La là càng vào giữa làng, thế đất càng cao hơn so với xung quanh làng, đó thường là nơi cư trú của

những hộ dân khá giả. Về vật liệu làm nhà, xưa kia phần lớn nhà dân được làm từ tre, xoan, hoặc mít (số ít). Nhà phổ biến là nhà tranh, vách đất, khung tre, gỗ. Vách được làm bằng rom hoặc trấu trộn với bùn. Một số hộ khá giả có thể làm nhà gỗ, lợp ngói. Gỗ ở đây chủ yếu là gỗ xoan. Cá biệt có gia đình làm bằng chất liệu gỗ lim, sến đắng, dổi; như trường hợp nhà ông Lê Văn Sắt (xóm Cà) làm năm 1934, phần khung lợp mái làm bằng gỗ sến đắng; nhà ông Nguyễn Văn Hân (xóm Cà) làm năm 1942 dầm bằng gỗ lim, sàn gác bằng gỗ dổi. Phần mái của ngôi nhà truyền thống ở đây được thiết kế có độ dốc lớn để thoát nước mưa và tránh dột. Mái đưa ra xa các cột tạo thành phần hiên để tránh mưa hắt vào, đồng thời, nơi rộng không gian sử dụng tiện ích cho ngôi nhà.

Nhà ở, bếp, chuồng nhốt gia súc, gia cầm thường được thiết kế riêng, không liền nhau. Người cao tuổi Xuân La giải thích, trước kia các công trình thường lợp bằng lá gồi hay rom rạ, khung tre gỗ dễ cháy, việc bố trí các công trình tách rời nhau để đề phòng công trình bị hỏa hoạn sẽ không cháy lan sang các công trình khác. Cũng do đặc thù ở đây đất chật, người đông nên các hộ dân thường tận dụng tối đa diện tích để làm nhà ở, bếp và chuồng gia súc, rất ít nhà có vườn cây và ao cá. Trong khuôn viên mỗi gia đình không có công trình vệ sinh như ngày nay. Việc vệ sinh cá nhân thường được thực hiện ở ngoài đồng, điều đó phản ánh thực trạng này của người dân xưa kia nói chung và người Xuân La nói riêng. Mãi đến thời kỳ những năm 1970, 1980 của TK XX, việc xây dựng nhà vệ sinh tại các gia đình mới được thực hiện. Ao, đầm thường được bố trí ở xung quanh làng, vừa là nơi thoát nước cho khu dân cư, vừa là nơi thả cá, rau, bèo và tắm giặt, phục vụ dân sinh. Nhà ở dân cư về cơ bản thường được kiến trúc theo lối mở, không khép kín như ngày nay. Nhà dân (trừ một số ít nhà có điều kiện) thường không có tường bao. Người dân sống cạnh nhau thường qua lại thăm hỏi nhau. Mỗi khi gia đình gặp chuyện hàng xóm có thể sang ngay để thăm hỏi, giúp đỡ.

Đi lại

Trong truyền thống, cũng giống như người dân cả nước nói chung, người Xuân La di chuyển bằng cách đi bộ và đi bằng thuyền. Đặc biệt mỗi khi mùa mưa đến, người dân thường di chuyển và vận chuyển bằng thuyền xung quanh các hồ ao và đồng ruộng trong làng hoặc giao thương đến các làng xung quanh. Để diễn tả hình ảnh này, người dân ở đây hay dùng câu “Sáu tháng đi bằng tay, sáu tháng đi bằng chân” (nghĩa là mùa khô thì đi bộ bằng đôi chân, còn mùa mưa thì chèo thuyền bằng tay). Cũng từ đặc thù của

Biến đổi về đi lại

Sau hòa bình lập lại (1954), hệ thống thủy lợi trên miền Bắc từng bước được cải tạo, đảm bảo cho việc tưới tiêu nước trong nội đồng. Cư dân làng Xuân La nói riêng đã chấm dứt được cảnh ngập lụt và di chuyển bằng thuyền về mùa mưa “sáu tháng đi chân, sáu tháng đi tay”. Khoảng hơn 20 năm trở lại đây, đường làng, ngõ xóm ở Xuân La từng bước được đổ bê tông, cứng hóa thay cho những con ngõ đất. Tiếp đó con đường liên xã từ thôn Văn Hội xã Đại Thắng (cũ) qua Xuân La đi Phụng Vũ được đổ bê tông năm 1996 với tổng chiều dài 3,5km, mặt đường rộng 1,8m. Đây vốn là con đường đất sòng trâu, mùa khô thì gập ghềnh, mùa mưa thì lầy lội rất khó đi. Khoảng thập kỷ 80 của thế kỷ trước, con đường này được rải đá cấp phối, tuy nhiên chất lượng đường vẫn thấp với nhiều ổ gà, đi lại khó khăn. Từ khi con đường được cấp kinh phí, đổ bê tông đã giúp cho việc đi lại của người dân Xuân La được thuận tiện dễ dàng hơn rất nhiều, cả việc vận chuyển của người dân và việc đi học của con em địa phương đến trường Tiểu học (tại địa điểm trung tâm xã tiếp giáp giữa 2 thôn Phụng Vũ, Đồng Tiến), THCS, THPT đóng tại địa bàn thôn Phụng Vũ, cách thôn Xuân La từ 2,5km đến 3km. Cùng với đường liên thôn, liên xã được mở rộng, con đường tỉnh lộ 242 (đường 73 cũ) dài 14km, mặt đường rộng 5,5m cũng được cải tạo nâng cấp. Từ làng, người dân Xuân La có thể đi các hướng về phía Bắc, Tây, Nam với những con đường liên thôn, liên xã thông ra đường tỉnh lộ, quốc lộ rất dễ dàng, thông thoáng, thuận lợi hơn rất nhiều so với trước đây. Ngoài đi lại trong làng, người dân còn có thể giao lưu với các làng trong vùng, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế và mở rộng biên độ tiếp xúc giao lưu văn hóa.

Về sử dụng phương tiện giao thông của người dân Xuân La, nếu như ở thập kỷ 80 đến 90 thế kỷ trước, số hộ có xe máy là rất hiếm thì từ khoảng 20 năm trở lại đây, các phương tiện cơ giới hiện đại như ô tô, xe máy đã được trang bị phổ biến đến tất cả mọi nhà. Theo thống kê của tác giả, hiện tại làng có hơn chục chiếc xe taxi, 10 ô tô con (4 và 7 chỗ), hàng chục chiếc xe vận tải có tải trọng từ 5 tạ đến 12 tấn, phổ biến là 1,4-4 tấn, 3 hộ có công nông đầu ngang và hàng chục chiếc xe ba bánh chuyên vận chuyển vật liệu xây dựng trong làng. Tỷ lệ số hộ có xe máy và xe đạp điện chiếm 97 % tổng số hộ dân. Trung bình mỗi hộ gia đình có từ 1-3 chiếc xe máy. Xe đạp thô sơ chỉ chiếm 2% dành cho đối tượng trung cao tuổi dùng để di chuyển trong phạm vi làng, 1% số

hộ dân có xe đạp địa hình để tập thể dục hằng ngày trên trục đường liên thôn, liên xã.

Có thể nói, kể từ sau Đổi mới, đặc biệt khoảng 1, 2 thập kỷ gần đây, việc đi lại giao thông của người dân Xuân La đã biến đổi rất mạnh, thể hiện cả trên phương diện biến đổi về đường giao thông lẫn phương tiện đi lại, đem đến một diện mạo mới cho văn hóa đi lại của người dân vùng đồng chiêm trũng này.

4. Kết luận

Chỉ vài chục năm sau đổi mới, văn hóa ăn, ở, đi lại của cư dân làng Xuân La đã có những biến đổi với tốc độ rất nhanh. Về ăn, người dân từ chỗ ăn uống không đảm bảo chất đã đảm bảo ăn no, ăn ngon và ăn nhậu để tiếp khách và giải trí. Tình trạng tiêu thụ thực phẩm không đảm bảo chất lượng đã được xóa bỏ. Những đặc sản của vùng đồng chiêm được đưa vào ẩm thực phục vụ người dân và du khách. Về ở, người dân đã biết thiết kế không gian hiện đại, phù hợp với thể đất chật hẹp để làm nhà ở đẹp hơn, rộng rãi, khang trang và có độ bền hơn. Về đi lại, tình trạng ngập úng được cải tạo, hệ thống đường giao thông được nâng cấp, mở rộng, các phương tiện giao thông hiện đại được người dân lựa chọn vào phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, thể thao đảm bảo sức khỏe... Vấn đề mấu chốt đặt ra trong sự biến đổi văn hóa ăn, ở, đi lại của dân ở đây một mặt là nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người dân, một mặt là làm thế nào để phát huy những giá trị văn hóa truyền thống ăn, ở, đi lại, phục vụ cho phát triển du lịch và phát triển nông thôn bền vững ■

N.X.M

1. Nguyễn Văn Vĩnh (Nguyễn Lân Bình và Nguyễn Lân Thắng chủ biên), *Lời người man di hiện đại: Phong tục và thiết chế của người An nam*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2013, tr.119.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Đảng bộ xã Phụng Dục, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Phụng Dục (1930-2010)*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014.
2. Nghị quyết 10 NQ/TW ngày 15-4-1988 của Bộ Chính trị về *Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*
3. Xuân Quế, *Làng Xuân La với nghề nặn tò he*, Hội Văn học Nghệ thuật Hà Tây, 2008.
4. Đặng Kim Sơn, *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, 20 năm đổi mới và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 10-10-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 15-11-2025; Ngày duyệt đăng: 30-11-2025.